TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 90/2026/HNGĐ-ST
Ngày 19 – 3 - 2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Chuộng

Ông Trần Công Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 87/2026/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị S, sinh năm 1984; CCCD: 096184008278; địa chỉ cư trú: ấp PQ, xã TT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Lý Văn B, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: ấp PQ, xã TT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh B qua thời gian quen biết, rồi kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Tùng. Quá trình chung sống anh Bền không quan tâm gia đình, vợ con, thường ghen vô cớ và nhiều lần xúc phạm chị. Vợ chồng đã ly thân 01 năm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Lý Bâng B1, sinh ngày 04/10/2010 và Lý Gia H, sinh ngày 26/02/2020 hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị S yêu cầu được nuôi cháu Lý Gia H, không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Còn cháu Lý Bâng B1 nguyện vọng sống với cha thì cha nuôi, sống với mẹ thì mẹ nuôi, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Đối với anh Lý Văn B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị Sáu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị S khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Lý Văn B là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh B đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị S, anh B.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2010, chị S với anh B kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị S với anh B được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị S xác định quá trình chung sống anh B không quan tâm gia đình, vợ con, thường ghen vô cớ và nhiều lần xúc phạm chị. Vợ chồng đã ly thân 01 năm. Tuy nhiên, anh B không có ý kiến. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định trong cuộc sống vợ chồng giữa chị S với anh B đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xãy ra. Đồng thời, mâu thuẫn đó đã lâm vào tình trạng trầm trọng, dẫn đến cuộc sống chung không thể kéo dài, và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu B1 đã hơn 15 tuổi, cháu H đã hơn 06 đang sống cùng chị S. Khi ly hôn, chị S yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Còn cháu B1 có nguyện vọng sống với cha thì cha nuôi, sống với mẹ thì mẹ nuôi, cấp dưỡng không đặt ra. Tuy nhiên, anh B không có ý kiến. Xét thấy: Theo nguyện vọng của cháu B1 thì cháu có nguyện vọng được sống với cha. Còn cháu H đang sống ổn định với chị Sáu, có điều kiện phát triển bình thường về thể chất, tỉnh thần. Đồng thời, chị S, anh B hiện có công việc tạo thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S về con chung. Giao cháu B1 cho anh B nuôi dưỡng và giao cháu H cho chị S nuôi dưỡng.

[6] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị S xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ

lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng anh B không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự: Chị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị S được ly hôn với anh Lý Văn B.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Lý Gia H, sinh ngày 26/02/2020 cho chị Trần Thị S được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Giao cháu Lý Bâng B1, sinh ngày 04/10/2010 cho anh Lý Văn B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.3. Buộc chị Trần Thị S phải có nghĩa vụ giao cháu Lý Bâng B1 cho anh Lý Văn B.

2.4. Chị Trần Thị S, anh Lý Văn B không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Trần Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001634 ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau; chị Trần Thị S đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã Thanh Tùng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh